

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS-ST
Ngày 28 - 5 - 2021
*V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự góp họ (hội).*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chon

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng
2. Bà Trần Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hội)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1976
2. Bị đơn: Vợ chồng ông Võ Văn B, sinh năm 1981 và bà Trần Thị D, sinh năm 1981 (sau đây viết tắt là: Vợ chồng bà D).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã N T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang

(Ông N có mặt tại phiên tòa, ông B và bà D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-01-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày yêu cầu như sau:

Vào ngày 30/4/2019 âm lịch ông Trần Văn N có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà D tổ chức, hụi 1.000.000 đồng, tháng xỏ 02 lần vào ngày 30 và ngày 15 hàng tháng, hụi có 23 phần, hụi có lãi và có hoa hồng 600.000 đồng/01 lần xỏ hụi. Dây hụi này ông N tham gia 04 phần, ông N đóng hụi sống 04 phần đến hết lần thứ 14, đến lần thứ 15 ông N bỏ thăm hốt hụi nhưng vợ chồng bà D không giao tiền hụi cho ông N mà tuyên bố úp hụi nhưng vợ chồng bà D không trả tiền hụi sống cho ông mặc dù ông N có đòi nhiều lần.

Sau đó ông Trần Văn N có gửi đơn yêu cầu Công an huyện An Biên giải quyết đến ngày 19/10/2020 Công an huyện An Biên có mời ông N và bà D lên thỏa thuận ông N yêu cầu bà D, ông B trả cho ông 04 phần hụi sống của 01 chung 1.000.000đ với số tiền 56.000.000 đồng và số tiền nợ hụi cũ 900.000 đồng. Phía bà D không đồng ý, bà thừa nhận ông N có chơi dây hụi 1.000.000 đồng tham gia 04 phần nhưng đã hốt 01 phần còn 03 phần chưa hốt, phần đã hốt bà D đã giao cho ông còn nợ lại 3.000.000đ, nhưng ông nợ tiền hụi trước đó của bà D 8.000.000đ, bà D chỉ đồng ý trả cho anh 03 phần hụi sống của dây hụi 1.000.000đ. Từ đó, ông N nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật, yêu cầu giải quyết buộc ông Võ Văn B và bà Trần Thị D phải trả cho ông số tiền hụi sống còn nợ là 56.900.000 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng). Ngoài ra không yêu cầu và trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Võ Văn B và bà Trần Thị D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông B và bà D biết về yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N, nhưng ông B và bà D không có ý kiến, yêu cầu gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Sau đó Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông B và bà D vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy chứng minh nhân dân Trần Văn N và sổ hộ khẩu; danh sách hụi viên ngày 30/4/2019 âm lịch; biên bản thỏa thuận dân sự ngày 19/10/2020; thông báo chỉ dẫn ngày 20/10/2020 của Công an huyện An Biên.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trần Văn N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng bà D trả số tiền hụi sống còn nợ là 03 chân hụi như ý kiến bị đơn đã trình bày tương đương số tiền 42.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ông Võ Văn B và bà Trần Thị D vắng mặt nên không có ý kiến

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 68, Điều 97, Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của ông Trần Văn N yêu cầu ông Võ Văn B và bà Trần Thị D trả cho ông N số hụi sống còn nợ 03 chân, mỗi chân hụi 1.000.000đ và đã đóng 14 lần là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông B và bà D nhưng ông B và bà D vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Võ Văn B và bà Trần Thị D trả cho ông N số tiền hụi sống còn nợ là 03 chân hụi,

mỗi chân 1.000.000đ, đã đóng 14 lần như ý kiến bị đơn đã trình bày tương đương số tiền 42.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N, Hội đồng xét xử nhận thấy tại bút lục số 05 giữa các đương sự đã thống nhất xác định về cách thức chơi hụi, bà D xác định ông N có tham gia 04 chân hụi, hiện bà còn nợ 03 chân sống bà đồng ý trả hàng tháng hoặc khi nào bán nhà và đất sẽ trả. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Điều 26 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biếu, phường. HĐXX thống nhất kết luận yêu cầu khởi kiện về nợ hụi của anh N là có căn cứ chấp nhận, buộc vợ chồng bà D cùng có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền còn nợ 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

[5] Về án phí, căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm: $42.000.000đ \times 5\% = 2.100.000$ đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn 1.422.500 theo biên lai thu số 0007043 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Điều 26 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Buộc ông Võ Văn B và bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn N số tiền hụi sống còn nợ 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Võ Văn B và bà Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Văn N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.422.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007043 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSDS, VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chon